

QUYẾT ĐỊNH

**VỀ VIỆC BAN HÀNH QUY ĐỊNH QUẢN LÝ, BẢO VỆ TÀI NGUYÊN NƯỚC
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11 tháng 7 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất;

Căn cứ Nghị định số 142/2013/NĐ-CP ngày 24/10/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 370/TTr-STNMT ngày 19/9/2014 (đã được Sở Tư pháp thẩm định tại văn bản số 395/STP-XDVB ngày 05/9/2014),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý, bảo vệ tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký. Quyết định này thay thế Quyết định số 20/2012/QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2012 về việc ban hành quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 3. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Dương Ngọc Long

QUY ĐỊNH

QUẢN LÝ, BẢO VỆ TÀI NGUYÊN NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 45 /2014/QĐ-UBND ngày 07 / 10 /2014
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này áp dụng đối với việc quản lý, bảo vệ, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước, hành nghề khoan nước dưới đất, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra (gọi chung là hoạt động tài nguyên nước) trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài (sau đây gọi chung là tổ chức, cá nhân) có hoạt động liên quan đến tài nguyên nước và các cơ quan quản lý Nhà nước thực hiện nhiệm vụ quản lý về tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Chương II

BẢO VỆ TÀI NGUYÊN NƯỚC

Điều 3. Vùng cấm xây dựng mới công trình khai thác nước dưới đất

1. Vùng cấm xây dựng mới công trình khai thác nước dưới đất, tăng lưu lượng của các công trình khai thác nước dưới đất hiện có (sau đây gọi tắt là vùng cấm khai thác) là vùng thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Vùng có mực nước dưới đất bị hạ thấp vượt quá giới hạn cho phép;
- b) Vùng có tổng lượng nước dưới đất được khai thác vượt quá trữ lượng có thể khai thác mà chưa thực hiện phương án bổ cập nước dưới đất;
- c) Vùng nằm trong phạm vi khoảng cách không an toàn môi trường đối với các bãi rác thải tập trung, bãi chôn lấp chất thải, nghĩa trang và các nguồn thải nguy hại khác;
- d) Vùng có nguy cơ bị sụt lún đất, biến dạng công trình, ô nhiễm nguồn nước nghiêm trọng do khai thác nước dưới đất gây ra;
- đ) Vùng cấm khai thác khác do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định.

2. Căn cứ mức độ ảnh hưởng, ngoài việc cấm xây dựng mới công trình khai thác nước dưới đất và tăng lưu lượng của các công trình khai thác nước dưới đất hiện có, Ủy ban nhân dân tỉnh có thể quyết định:

- a) Giảm lưu lượng khai thác hoặc số lượng công trình khai thác nước dưới đất hiện có, đối với trường hợp quy định tại điểm a và b khoản 1 Điều này;
- b) Cấm toàn bộ hoạt động khai thác nước dưới đất hoặc giảm số lượng công trình, lưu lượng khai thác nước dưới đất hiện có đối với trường hợp quy định tại điểm c và d khoản 1 Điều này.

Điều 4. Vùng hạn chế xây dựng mới công trình khai thác nước

1. Vùng hạn chế xây dựng mới công trình khai thác nước

Vùng hạn chế khai thác nước là vùng liền kề với vùng cấm khai thác nước mặt hoặc nước dưới đất quy định tại khoản 1 Điều 3 của Quy định này hoặc vùng thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Vùng có mực nước dưới đất bị suy giảm liên tục và hạ thấp gần tới giới hạn cho phép;
- b) Vùng có tổng lượng nước khai thác gần đạt tới trữ lượng có thể khai thác;
- c) Vùng có nguy cơ sụt lún đất, gia tăng ô nhiễm nguồn nước do khai thác nước dưới đất gây ra;
- d) Vùng nằm trong các đô thị, khu dân cư tập trung ở nông thôn, khu, cụm công nghiệp tập trung, làng nghề đã có hệ thống cấp nước tập trung và chất lượng dịch vụ cấp nước bảo đảm đáp ứng yêu cầu chất lượng, số lượng;
- đ) Vùng có nguồn nước dưới đất bị ô nhiễm hoặc có dấu hiệu ô nhiễm nhưng chưa có giải pháp công nghệ xử lý bảo đảm chất lượng;
- e) Vùng có nguồn nước mặt có khả năng đáp ứng ổn định cho các nhu cầu sử dụng nước.
- f) Vùng hạn chế khai thác khác do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định.

2. Trong vùng hạn chế khai thác, chỉ được tăng lưu lượng khai thác của các công trình hiện có hoặc xây dựng các công trình khai thác nước dưới đất mới để phục vụ cấp nước ăn uống, sinh hoạt, hoặc cấp nước cho các lĩnh vực sản xuất, dịch vụ ít tiêu tốn nước, có hiệu quả kinh tế cao và phải bảo đảm các điều kiện sau:

- a) Tổng lượng nước dưới đất khai thác nhỏ hơn trữ lượng có thể khai thác;
- b) Không làm tăng nguy cơ gây sụt lún, ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước dưới đất trong vùng hoặc làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến khả năng khai thác nước dưới đất của các công trình khai thác nước dưới đất liền kề hiện có;
- c) Phù hợp với quy hoạch khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Trường hợp quy định tại điểm d và đ khoản 1 Điều này, ngoài các quy định tại khoản 2 còn hạn chế việc xây dựng mới công trình khai thác nước dưới đất quy mô nhỏ hoặc khoan giếng phục vụ cấp nước trong phạm vi hộ gia đình.

Điều 5. Khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất.

Khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất trong hoạt động khai thác, sử dụng nước bao gồm các vùng được quy định tại Điều 4 Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước.

Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt cụ thể các khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh.

Chương III

CẤP PHÉP, ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG TÀI NGUYÊN NƯỚC

Điều 6. Nguyên tắc, căn cứ, điều kiện cấp phép; thời hạn của giấy phép; việc gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ hiệu lực, thu hồi, trả lại, cấp lại giấy phép: Thực hiện theo quy định của Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13, Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước (sau đây gọi tắt là Nghị định số 201/2013/NĐ-CP); Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước (sau đây gọi tắt là Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT).

Điều 7. Thẩm quyền cấp, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ hiệu lực, thu hồi, cấp lại và đăng ký trong hoạt động tài nguyên nước

1. Ủy ban nhân dân tỉnh cấp, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ hiệu lực, thu hồi và cấp lại giấy phép đối với các trường hợp sau đây:

- Thăm dò, khai thác nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng từ 10 m³/ngày đêm đến dưới 3000 m³/ngày đêm;

- Khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng từ 0,1 m³/giờ đến dưới 2 m³/giờ;
- Khai thác, sử dụng nước mặt để phát điện với công suất lắp máy từ 50 KW đến dưới 2000KW;
- Khai thác, sử dụng nước mặt cho các mục đích khác với lưu lượng từ 100 m³/ngày đêm đến dưới 50.000 m³/ngày đêm;
- Xả nước thải với lưu lượng từ 10.000 m³/ngày đêm đến dưới 30.000 m³/ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản;
- Xả nước thải với lưu lượng từ 5 m³/ngày đêm đến dưới 3.000 m³/ngày đêm đối với các hoạt động khác.
- Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ xả nước thải với quy mô dưới 5 m³/ngày đêm nhưng phải có giấy phép xả nước thải vào nguồn nước là cơ sở hoạt động trong các lĩnh vực sau:
 - a) Dệt nhuộm; may mặc có công đoạn nhuộm, in hoa; giặt là có công đoạn giặt tẩy;
 - b) Luyện kim, tái chế kim loại, mạ kim loại, sản xuất linh kiện điện tử;
 - c) Xử lý, tái chế chất thải công nghiệp; thuộc da, tái chế da;
 - d) Chế biến khoáng sản có sử dụng hóa chất; lọc hóa dầu, chế biến sản phẩm dầu mỏ;
 - đ) Sản xuất giấy và bột giấy; nhựa, cao su, chất tẩy rửa, phụ gia, phân bón, hóa chất, dược phẩm, đông dược, hóa mỹ phẩm, thuốc bảo vệ thực vật; pin, ắc quy; mây tre đan, chế biến gỗ có ngâm tẩm hóa chất; chế biến tinh bột sắn, bột ngọt;
 - e) Khám chữa bệnh có phát sinh nước thải y tế;
 - g) Thực hiện thí nghiệm có sử dụng hóa chất, chất phóng xạ.

- Giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh với quy mô vừa và nhỏ.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức việc đăng ký khai thác nước dưới đất theo quy định tại Điều 17, Nghị định số 201/2013/NĐ-CP.

3. Các trường hợp khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước không phải đăng ký, không phải xin phép thực hiện theo Điều 16, Nghị định số 201/2013/NĐ-CP.

Điều 8. Cơ quan tiếp nhận và quản lý hồ sơ, giấy phép

Cơ quan tiếp nhận và quản lý hồ sơ, giấy phép (sau đây gọi chung là cơ quan tiếp nhận hồ sơ) bao gồm:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp nhận và quản lý, lưu trữ hồ sơ, giấy phép khai thác sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Quy định này.
2. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm tiếp nhận, quản lý và lưu trữ hồ sơ đăng ký hoạt động tài nguyên nước trên địa bàn.

Điều 9. Hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất

1. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất bao gồm:

- a) Đơn đề nghị cấp giấy phép;
- b) Đề án thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô từ 200 m³/ngày đêm trở lên; thiết kế giếng thăm dò đối với công trình có quy mô nhỏ hơn 200 m³/ngày đêm.

2. Hồ sơ đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất bao gồm:

- a) Đơn đề nghị gia hạn hoặc điều chỉnh nội dung giấy phép;
- b) Báo cáo tình hình thực hiện các quy định trong giấy phép;

c) Bản sao giấy phép đã được cấp.

3. Mẫu đơn, nội dung đề án, nội dung báo cáo quy định tại Điều này thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT.

Điều 10. Hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất

1. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp giấy phép;

b) Sơ đồ khu vực và vị trí công trình khai thác nước dưới đất;

c) Báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất kèm theo phương án khai thác đối với công trình có quy mô từ 200 m³/ngày đêm trở lên hoặc báo cáo kết quả thi công giếng khai thác đối với công trình có quy mô nhỏ hơn 200 m³/ngày đêm trong trường hợp chưa có công trình khai thác; báo cáo hiện trạng khai thác đối với trường hợp công trình khai thác nước dưới đất đang hoạt động;

d) Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước không quá sáu (06) tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ.

Trường hợp chưa có công trình khai thác nước dưới đất, hồ sơ đề nghị cấp giấy phép phải nộp trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư.

2. Hồ sơ đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất bao gồm:

a) Đơn đề nghị gia hạn hoặc điều chỉnh giấy phép;

b) Báo cáo hiện trạng khai thác, sử dụng nước và tình hình thực hiện giấy phép. Trường hợp điều chỉnh giấy phép có liên quan đến quy mô công trình, số lượng giếng khai thác, mực nước khai thác thì phải nêu rõ phương án khai thác nước;

c) Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước không quá sáu (06) tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ;

d) Bản sao giấy phép đã được cấp.

3. Mẫu đơn, nội dung đề án, nội dung báo cáo quy định tại Điều này thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT.

Điều 11. Hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt.

1. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp giấy phép;

b) Đề án khai thác, sử dụng nước đối với trường hợp chưa có công trình khai thác; báo cáo hiện trạng khai thác, sử dụng nước kèm theo quy trình vận hành đối với trường hợp đã có công trình khai thác (nếu thuộc trường hợp quy định phải có quy trình vận hành);

c) Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước không quá ba (03) tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ;

d) Sơ đồ vị trí công trình khai thác nước.

Trường hợp chưa có công trình khai thác nước mặt, hồ sơ đề nghị cấp giấy phép phải nộp trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư.

2. Hồ sơ đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt bao gồm:

a) Đơn đề nghị gia hạn hoặc điều chỉnh giấy phép;

b) Báo cáo hiện trạng khai thác, sử dụng nước và tình hình thực hiện giấy phép. Trường hợp điều chỉnh quy mô công trình, phương thức, chế độ khai thác sử dụng nước, quy trình vận hành công trình thì phải kèm theo đề án khai thác nước;

c) Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước không quá ba (03) tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ;

d) Bản sao giấy phép đã được cấp.

3. Mẫu đơn, nội dung đề án, nội dung báo cáo quy định tại Điều này thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT.

Điều 12. Hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh giấy phép xả nước thải vào nguồn nước

1. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp giấy phép;

b) Đề án xả nước thải vào nguồn nước kèm theo quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải đối với trường hợp chưa xả nước thải; báo cáo hiện trạng xả nước thải kèm theo quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải đối với trường hợp đang xả nước thải vào nguồn nước;

c) Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước tiếp nhận tại vị trí xả nước thải vào nguồn nước; kết quả phân tích chất lượng nước thải trước và sau khi xử lý đối với trường hợp đang xả nước thải. Thời điểm lấy mẫu phân tích chất lượng nước không quá ba (03) tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ, khi lấy mẫu phải có sự giám sát của cơ quan thẩm định hồ sơ;

d) Sơ đồ vị trí khu vực xả nước thải.

Trường hợp chưa có công trình xả nước thải vào nguồn nước, hồ sơ đề nghị cấp giấy phép phải nộp trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư.

2. Hồ sơ đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép xả nước thải vào nguồn nước bao gồm:

a) Đơn đề nghị gia hạn hoặc điều chỉnh giấy phép;

b) Kết quả phân tích chất lượng nước thải và chất lượng nguồn nước tiếp nhận tại vị trí xả nước thải vào nguồn nước. Thời điểm lấy mẫu phân tích chất lượng nước không quá ba (03) tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ, khi lấy mẫu phải có sự giám sát của cơ quan thẩm định hồ sơ;

c) Báo cáo hiện trạng xả nước thải và tình hình thực hiện các quy định trong giấy phép. Trường hợp điều chỉnh quy mô, phương thức, chế độ xả nước thải, quy trình vận hành thì phải có đề án xả nước thải;

d) Bản sao giấy phép đã được cấp.

3. Mẫu đơn, nội dung đề án, nội dung báo cáo quy định tại Điều này thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT

Điều 13. Hồ sơ cấp lại giấy phép tài nguyên nước

1. Đơn đề nghị cấp lại giấy phép.

2. Tài liệu chứng minh lý do đề nghị cấp lại giấy phép.

3. Mẫu đơn quy định tại Điều này thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT.

Điều 14. Trình tự, thủ tục cấp giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước

1. Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:

a) Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép nộp hai (02) bộ hồ sơ và nộp phí thẩm định hồ sơ theo quy định của pháp luật cho Sở Tài nguyên và Môi trường.

b) Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

Trường hợp hồ sơ sau khi đã bổ sung mà vẫn không đáp ứng yêu cầu theo quy định thì Sở Tài nguyên và Môi trường trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép.

2. Thẩm định đề án, báo cáo thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước trong hồ sơ đề nghị cấp phép (sau đây gọi chung là đề án, báo cáo):

a) Trong thời hạn mười tám (18) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Khoản 1 Điều này, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định đề án, báo cáo; nếu cần thiết thì kiểm tra thực tế hiện trường, lập hội đồng thẩm định đề án, báo cáo. Trường hợp đủ điều kiện cấp phép, Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định cấp giấy phép; trường hợp không đủ điều kiện để cấp phép thì trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép và thông báo lý do không cấp phép;

b) Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện đề án, báo cáo thì Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép nêu rõ những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện đề án, báo cáo. Thời gian bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại đề án, báo cáo không tính vào thời gian thẩm định đề án, báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi đề án, báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là mười lăm (15) ngày làm việc;

c) Trường hợp phải lập lại đề án, báo cáo, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép nêu rõ những nội dung đề án, báo cáo chưa đạt yêu cầu, phải làm lại và trả lại hồ sơ đề nghị cấp phép.

3. Trả kết quả giải quyết hồ sơ cấp phép

Trong thời hạn hai (02) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép của cơ quan có thẩm quyền, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận giấy phép.

Điều 15. Trình tự, thủ tục gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước

1. Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:

a) Tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép (sau đây gọi tắt là tổ chức, cá nhân) nộp hai (02) bộ hồ sơ và nộp phí thẩm định hồ sơ theo quy định của pháp luật cho Sở Tài nguyên và Môi trường.

b) Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân để hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

Trường hợp hồ sơ sau khi đã bổ sung hoàn thiện mà vẫn không đáp ứng yêu cầu theo quy định thì Sở Tài nguyên và Môi trường trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân và thông báo rõ lý do.

2. Thẩm định đề án, báo cáo đối với trường hợp gia hạn, điều chỉnh giấy phép:

a) Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Khoản 1 Điều này, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định đề án, báo cáo, nếu cần thiết kiểm tra thực tế hiện trường, lập hội đồng thẩm định đề án, báo cáo. Trường hợp đủ điều kiện gia hạn, điều chỉnh giấy phép thì trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp phép. Trường hợp không đủ điều kiện để gia hạn, điều chỉnh giấy phép, Sở Tài nguyên và Môi trường trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân và thông báo lý do không gia hạn, điều chỉnh giấy phép;

b) Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện đề án, báo cáo, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân nêu rõ những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện đề án, báo cáo. Thời gian bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại đề án, báo cáo không tính vào thời gian thẩm định đề án, báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi đề án, báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là tám (08) ngày làm việc;

c) Trường hợp phải lập lại đề án, báo cáo, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân nêu rõ những nội dung đề án, báo cáo chưa đạt yêu cầu, phải làm lại và trả lại hồ sơ.

3. Thẩm định hồ sơ đối với trường hợp cấp lại giấy phép:

Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Khoản 1 Điều này, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện để cấp lại giấy phép thì trình Ủy ban

nhân dân tỉnh cấp phép. Trường hợp không đủ điều kiện, Sở Tài nguyên và Môi trường trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân và thông báo lý do.

4. Trả kết quả giải quyết hồ sơ cấp phép:

Trong thời hạn hai (02) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép của cơ quan có thẩm quyền, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân để thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận giấy phép.

Điều 16. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp, gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11 tháng 7 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất;

Điều 17. Trình tự, thủ tục đình chỉ, thu hồi giấy phép về tài nguyên nước; Chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước: thực hiện theo quy định của Chính phủ tại Điều 37, 38, 39 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP.

Điều 18. Trình tự, thủ tục đăng ký khai thác nước dưới đất: Thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Điều 6 Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT.

Điều 19. Các tổ chức, cá nhân khi lập dự án đầu tư có nhu cầu khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước: phải thực hiện cấp giấy phép hoặc được sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 7 Quy định này trước khi ra quyết định đầu tư.

Chương IV

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN HOẠT ĐỘNG TÀI NGUYÊN NƯỚC

Điều 20. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân hoạt động tài nguyên nước

1. Các tổ chức, cá nhân được phép hoạt động tài nguyên nước có quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Tài nguyên nước.

2. Các tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất có nghĩa vụ:

a) Hành nghề khoan nước dưới đất theo đúng nội dung được ghi trong giấy phép và các quy định có liên quan của pháp luật về tài nguyên nước.

b) Tuân thủ quy trình kỹ thuật khoan và các quy định về bảo vệ nước dưới đất, trường hợp gây sụt lún đất hoặc gây sự cố bất thường khác ảnh hưởng đến công trình xây dựng và đời sống những người trong khu vực thăm dò thì phải xử lý, khắc phục kịp thời, đồng thời báo cáo ngay tới chính quyền địa phương và Sở Tài nguyên và Môi trường để có biện pháp xử lý.

c) Thông báo bằng văn bản về vị trí, quy mô công trình khoan thăm dò, khoan khai thác nước dưới đất và thời gian dự kiến thi công cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đặt công trình trước khi thi công.

d) Cung cấp đầy đủ và trung thực dữ liệu, thông tin về công trình thăm dò, khai thác nước dưới đất mà mình đã thi công khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

e) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước khi gặp sự cố gây ảnh hưởng xấu đến số lượng, chất lượng nguồn nước hoặc phát hiện các trường hợp bất thường về số lượng, chất lượng nguồn nước, sụt lún đất, nghiêng lệch, rạn nứt nhà cửa và các hiện tượng bất thường khác phải báo cáo ngay cho các cấp quản lý chuyên môn để trình Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, xử lý.

4. Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước có trách nhiệm kê khai, nộp thuế, phí; kê khai quyết toán các khoản thuế phí phải nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật thuế, pháp lệnh thuế, pháp lệnh phí, lệ phí và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Phí, lệ phí cấp giấy phép về tài nguyên nước được thực hiện theo Quyết định số 02/2008/QĐ-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất; Quyết định số 03/2008/QĐ-UBND ngày 09 tháng 1 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc quy định chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thăm định đề án, báo cáo thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất; khai thác, sử dụng nước mặt; xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi; báo cáo đánh giá trữ lượng nước dưới đất và điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất.

Chương V

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ TÀI NGUYÊN NƯỚC

Điều 21. Thăm quyền và trách nhiệm của các sở, ban ngành cấp tỉnh

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về tài nguyên nước trên phạm vi toàn tỉnh.

b) Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về tài nguyên nước.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan lập, điều chỉnh quy hoạch tài nguyên nước; kế hoạch điều tra cơ bản, điều hòa, phân phối tài nguyên nước, phục hồi nguồn nước bị ô nhiễm, cạn kiệt; công bố và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt.

d) Lập, khoanh định, công bố vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất, vùng cần bổ sung nhân tạo nước dưới đất, khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất và công bố dòng chảy tối thiểu, ngưỡng khai thác nước dưới đất; công bố danh mục hồ, ao, đầm phá không được san lấp trên địa bàn tỉnh; Lập danh mục nguồn nước nội tỉnh trên địa bàn trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

đ) Tổ chức thẩm định hồ sơ cấp phép, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi giấy phép về tài nguyên nước và cho phép chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh; thực hiện việc thu phí, lệ phí về tài nguyên nước theo quy định của pháp luật.

e) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có dòng sông, đoạn sông bị sạt, lở hoặc có nguy cơ bị sạt, lở bờ, bãi sông, xác định nguyên nhân gây sạt, lở, đề xuất các giải pháp để ngăn ngừa, khắc phục; tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể việc bảo vệ lòng, bờ, bãi sông; xem xét, khoanh định khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm khai thác cát, sỏi và các khoáng sản khác.

f) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước; chủ động tiến hành các biện pháp ngăn chặn, hạn chế lan rộng vùng ô nhiễm, xử lý, giảm thiểu ô nhiễm trên địa bàn tỉnh và kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tài nguyên và Môi trường.

g) Thực hiện quan trắc, giám sát về số lượng, chất lượng nguồn nước, hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước đối với các nguồn nước nội tỉnh.

h) Chủ trì, phối hợp với các sở: Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp huyện tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn tỉnh và tổ chức công bố, thực hiện.

i) Chủ trì, phối hợp với Trung tâm dự báo khí tượng thủy văn thường xuyên cập nhật số liệu về khí tượng, thủy văn các vùng trên địa bàn tỉnh; tình hình khai thác, sử dụng nguồn nước và xả nước thải vào nguồn nước. Cung cấp kịp thời số liệu về tài nguyên nước cho các ngành, các cấp thực hiện biện pháp khẩn cấp để bảo đảm nước sinh hoạt trong trường hợp hạn hán, thiếu nước hoặc sự cố ô nhiễm nguồn nước nghiêm trọng gây ra thiếu nước.

k) Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về tài nguyên nước.

l) Kiểm tra, giải quyết tranh chấp, xử lý vi phạm pháp luật về tài nguyên nước theo thẩm quyền.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Chủ trì, phối hợp với các ngành có liên quan xây dựng và tổ chức thực hiện các quy hoạch bảo vệ, điều tiết và khai thác, sử dụng có hiệu quả các công trình thủy lợi phục vụ cho việc nuôi trồng thủy sản, sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, cấp nước sinh hoạt nông thôn theo quy định.

b) Hàng năm tổng hợp báo cáo kết quả tình hình khai thác, sử dụng tài nguyên nước phục vụ nuôi trồng thủy sản, sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, cấp nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn theo lĩnh vực đã được phân công gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tài nguyên và Môi trường.

c) Chủ trì, phối hợp với các ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện đề xuất các biện pháp khẩn cấp để bảo đảm nước sinh hoạt, nước sản xuất trong trường hợp hạn hán, thiếu nước hoặc sự cố ô nhiễm nguồn nước nghiêm trọng gây ra thiếu nước đối với khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh.

d) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan lập, xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành quy trình vận hành hồ chứa đối với các hồ chứa lớn trên địa bàn tỉnh.

e) Cung cấp số liệu, dữ liệu quản lý nhà nước về sử dụng nước trong nông nghiệp, công trình thủy lợi, hồ chứa thủy lợi, dự án có liên quan đến khai thác sử dụng tài nguyên nước, dữ liệu nước sạch nông thôn gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để tích hợp vào cơ sở dữ liệu tài nguyên nước của tỉnh.

3. Sở Khoa học và Công nghệ:

Chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng các chương trình, kế hoạch nghiên cứu khoa học, công nghệ nhằm sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả và xử lý, cải tạo, khôi phục nguồn nước bị ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; tổ chức triển khai, chuyển giao, ứng dụng các kết quả nghiên cứu của đề tài, dự án liên quan đến lĩnh vực tài nguyên nước vào sản xuất và đời sống.

4. Sở Xây dựng:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở ngành có liên quan xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch cấp, thoát nước đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư tập trung theo quy định của Bộ Xây dựng.

b) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, các cơ quan liên quan tham mưu cho Ban chỉ đạo cấp nước an toàn tỉnh Thái Nguyên thực hiện việc bảo vệ, phòng ngừa các nguy cơ gây ô nhiễm nguồn nước, khu vực bảo vệ nguồn nước; khắc phục xử lý kịp thời các sự cố, các vi phạm gây ô nhiễm nguồn nước tại vị trí thu nước của công trình cấp nước và các công trình thuộc hệ thống cấp nước.

c) Chủ trì, phối hợp với các ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện đề xuất các biện pháp khẩn cấp để bảo đảm nước sinh hoạt trong trường hợp hạn hán, thiếu nước hoặc sự cố ô nhiễm nguồn nước nghiêm trọng gây ra thiếu nước đối với khu vực đô thị trên địa bàn tỉnh.

d) Cung cấp thông tin về quy hoạch cấp nước, thoát nước các đô thị và khu công nghiệp tỉnh Thái Nguyên gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để tích hợp vào cơ sở dữ liệu tài nguyên nước của tỉnh.

5. Sở Giao thông Vận tải:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch khai thác các luồng tuyến, xây dựng cảng nội địa, bến bãi, các công trình giao thông đường thủy nội địa theo quy định của Bộ Giao thông Vận tải.

b) Hàng năm tổng hợp, báo cáo tình hình khai thác, sử dụng tài nguyên nước phục vụ giao thông vận tải gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tài nguyên và Môi trường.

6. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Tổng hợp, tham mưu bố trí kinh phí từ nguồn đầu tư phát triển cho các dự án quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước và xả nước thải vào nguồn nước báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định; Đầu mối thẩm định các dự án đầu tư cho các dự án quản lý, bảo vệ, khai thác và sử dụng tài nguyên nước và xả nước thải vào nguồn nước theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng.

7. Sở Tài chính:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở ngành có liên quan xây dựng kế hoạch phân bổ kinh phí cho các hoạt động quản lý tài nguyên nước, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định; Thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến thuế tài nguyên nước, phí, lệ phí quản lý tài nguyên nước theo quy định của pháp luật.

b) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

8. Sở Công thương:

a) Tham gia phối hợp với các sở ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng quy hoạch, kế hoạch cấp, thoát nước phục vụ sản xuất công nghiệp, thủy điện trên địa bàn tỉnh.

b) Tham gia kiểm tra công tác quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên nước tại các khu, cụm công nghiệp, các làng nghề, các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất công nghiệp.

c) Cung cấp số liệu, dữ liệu quản lý nhà nước về sử dụng nước trong các hồ, đập thủy điện gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để tích hợp vào cơ sở dữ liệu tài nguyên nước của tỉnh

9. Sở Y tế:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn định kỳ kiểm tra, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh công bố thông tin chất lượng nguồn nước sinh hoạt trên địa bàn tỉnh, đặc biệt đối với các vùng có nguy cơ bị ô nhiễm nguồn nước, các đơn vị kinh doanh nước sạch.

b) Cung cấp số liệu kết quả kiểm tra định kỳ chất lượng nguồn nước khai thác cho mục đích sinh hoạt, đặc biệt đối với các đơn vị kinh doanh nước sạch; chất lượng nước thải tại các bệnh viện, cơ sở y tế gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để tích hợp vào cơ sở dữ liệu tài nguyên nước của tỉnh

10. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước phục vụ cho hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch;

b) Tham gia kiểm tra, giám sát công tác quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên nước cho các hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch.

11. Sở Giáo dục và Đào tạo:

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị, địa phương trong việc nghiên cứu, đưa các nội dung giáo dục, tuyên truyền về tài nguyên nước vào chương trình ngoại khóa của học sinh, sinh viên.

12. Ban Quản lý các khu công nghiệp Thái Nguyên:

Có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị có liên quan thực hiện công tác quản lý hoạt động khai thác sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải đối với các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp.

13. Công an tỉnh và Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh:

Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện và các sở ngành có liên quan xây dựng và tổ chức thực hiện các quy hoạch, kế hoạch khai thác tài nguyên nước phục vụ cho an ninh, quốc phòng trên địa bàn tỉnh; thực hiện các nhiệm vụ có liên quan trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của ngành.

14. Trung tâm Khí tượng thủy văn tỉnh Thái Nguyên:

Cung cấp cho Sở Tài nguyên và Môi trường: Danh mục các trạm thủy văn trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên do Đài Khí tượng thủy văn khu vực Việt Bắc quản lý, danh mục các tài liệu thủy văn hiện đang quan trắc.

Định kì vào ngày đầu tháng sau có trách nhiệm cung cấp số liệu thống kê nhanh tháng trước do các trạm thủy văn quan trắc và dự báo tình hình khí tượng thủy văn tháng tiếp theo cho Sở Tài nguyên và Môi trường.

15. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Thái Nguyên, các tổ chức đoàn thể

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Thái Nguyên và các tổ chức đoàn thể theo chức năng, nhiệm vụ tổ chức tuyên truyền, vận động các thành viên, tổ chức và nhân dân tham gia bảo vệ tài nguyên nước; giám sát việc thực hiện pháp luật về tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh.

16. Cục thuế Thái Nguyên:

Tổ chức thực hiện thu; thanh tra, kiểm tra việc kê khai, nộp các loại thuế, phí theo quy định của pháp luật về thuế, phí, Luật Quản lý thuế và các chính sách thu hiện hành trong lĩnh vực khai thác tài nguyên nước.

17. Báo Thái Nguyên, Đài Phát thanh – Truyền hình tỉnh, Cổng thông tin điện tử của tỉnh:

Thực hiện việc tuyên truyền các văn bản, quy định của Nhà nước, của Tỉnh liên quan tới hoạt động về tài nguyên nước để các tổ chức, cá nhân biết, thực hiện đúng quy định.

Điều 22. Thẩm quyền và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về tài nguyên nước trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố theo quy định của pháp luật và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Thực hiện tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về tài nguyên nước theo quy định của pháp luật; hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ đối với công chức chuyên môn về tài nguyên nước của Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Thực hiện kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo về tài nguyên nước;

4. Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện việc xử lý nước thải đô thị, khu dân cư tập trung trong phạm vi địa phương, bảo đảm tiêu chuẩn cho phép trước khi xả nước thải vào nguồn nước.

5. Xây dựng và thực hiện các biện pháp nhằm bảo vệ nguồn nước; phòng, chống, khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra, kết hợp với việc bảo vệ môi trường và tài nguyên khác, bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân, tài sản của Nhà nước.

6. Điều tra, thống kê và phân loại giếng khoan phải trám lấp theo chỉ đạo, hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường; tiếp nhận thông báo trám lấp, thẩm định kết quả trám lấp của chủ giếng thuộc đối tượng theo quy định của pháp luật.

7. Rà soát, thống kê, xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân hành nghề khoan nước dưới đất không có giấy phép trên địa bàn quản lý, đã gây ô nhiễm nguồn nước.

8. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc quản lý tài nguyên nước tại địa phương theo quy định của pháp luật. Chỉ đạo, điều hành các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện công tác quản lý tài nguyên nước. Đề xuất chính sách quản lý cho từng thời kỳ đảm bảo phát triển bền vững nguồn tài nguyên nước.

9. Thực hiện các biện pháp bảo vệ tài nguyên nước, phòng chống và khắc phục hậu quả do nước gây ra.

a) Bảo vệ tài nguyên nước trên địa bàn quản lý, bao gồm: nước dưới đất, nước trong sông, suối, ao, hồ, đầm.

b) Thực hiện các biện pháp bảo vệ chất lượng nguồn nước sinh hoạt, địa điểm khai thác, sử dụng nguồn nước trên địa bàn. Đặc biệt đối với vùng thượng lưu của nguồn nước; phải có kế hoạch bảo vệ chất lượng nguồn nước để đảm bảo nước sinh hoạt cho nhân dân trên địa bàn.

c) Kiểm soát, giám sát chặt chẽ ao, hồ chứa nước thải, khu chứa nước thải trên địa bàn; trong thực hiện việc đào, xây dựng các hố chôn xác động vật chết khi có dịch, đậy và thành bên các hố phải được chống thấm, chống tràn bảo đảm không gây ô nhiễm nguồn nước.

d) Theo dõi, phát hiện sự cố ô nhiễm; trường hợp xảy ra sự cố thì phải chủ động tiến hành ngay các biện pháp ngăn chặn, hạn chế lan rộng vùng ô nhiễm; xử lý, giảm thiểu ô nhiễm thuộc phạm vi quản lý, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Tài nguyên và Môi trường để tổ chức chỉ đạo xử lý.

đ) Đối với những đoạn sông bị sạt, lở hoặc có nguy cơ bị sạt, lở bờ, bãi sông phối hợp với các ngành chức năng xác định nguyên nhân gây sạt, lở, đề xuất các giải pháp để ngăn ngừa, khắc phục và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

e) Tổ chức ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước; phòng chống khắc phục hậu quả, tác hại do khai thác nước gây ra, kết hợp với việc bảo vệ môi trường, bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân, tài sản của Nhà nước.

10. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức đăng ký về khai thác, sử dụng tài nguyên nước dưới đất và xả nước thải vào nguồn nước tại địa phương.

11. Thu thập, lưu trữ dữ liệu về tài nguyên nước trên địa bàn theo quy định, cung cấp dữ liệu cho Sở Tài nguyên và Môi trường để tích hợp vào cơ sở dữ liệu tài nguyên nước của tỉnh.

12. Định kỳ trước ngày 25 tháng 6 và 15 tháng 11 hàng năm báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường tình hình quản lý, bảo vệ, hoạt động tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra, để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 23. Thẩm quyền và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước trên địa bàn xã, phường, thị trấn do địa phương quản lý theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc quản lý tài nguyên nước tại địa phương theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện các biện pháp quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; phòng, chống, khắc phục hậu quả do nước gây ra; thống kê, theo dõi, giám sát việc thi hành pháp luật về tài nguyên nước tại địa phương. Tham gia công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả do nước gây ra trên địa bàn.

3. Tổ chức hòa giải, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về lĩnh vực tài nguyên nước theo quy định của pháp luật. Phát hiện các trường hợp vi phạm hoạt động tài nguyên nước, xử lý theo thẩm quyền và kiến nghị cơ quan thẩm quyền cấp trên xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Tổ chức niêm yết, công khai danh mục giếng phải trám lấp, nhận thông báo, kết quả trám lấp của chủ giếng và kiểm tra, giám sát việc thực hiện các trình tự, thủ tục trám lấp giếng đúng quy định.

5. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và thông tin về tài nguyên nước;

6. Thường xuyên kiểm tra các công trình thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn, xử lý vi phạm hoặc kiến nghị xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước theo thẩm quyền. Nếu xảy ra tình huống bất khả kháng, kịp thời có biện pháp khắc phục trong khả năng đồng thời báo cáo ngay tới Ủy ban nhân dân cấp huyện và Sở Tài nguyên và Môi trường để có biện pháp khắc phục.

7. Quản lý việc khai thác, sử dụng nước dưới đất của các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn; yêu cầu các hộ gia đình, cá nhân có công trình khai thác nước dưới đất ở các vùng mà mực nước đã bị suy giảm quá mức, xả nước thải vào nguồn nước phải đăng ký theo quy định.

8. Tổ chức đăng ký hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước theo thẩm quyền.

9. Phối hợp với cơ quan, tổ chức quản lý, bảo vệ trạm quan trắc, đo đạc, giám sát tài nguyên nước trên địa bàn.

10. Thực hiện điều tra, thống kê, tổng hợp, phân loại giếng phải trám lấp; kiểm tra việc thực hiện trình tự, thủ tục, yêu cầu kỹ thuật trong việc trám lấp giếng.

11. Định kỳ trước ngày 15 tháng 6 và 01 tháng 11 hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện tình hình quản lý, bảo vệ, hoạt động tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra.

Chương VI

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, THANH TRA CHUYÊN NGÀNH VỀ HOẠT ĐỘNG TÀI NGUYÊN NƯỚC

Điều 24. Chế độ báo cáo

1. Định kỳ trước ngày 15 tháng 11 hàng năm và đột xuất theo yêu cầu của cấp trên, các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổng kết, báo cáo tình hình quản lý, khai thác, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra, đăng ký hoạt động tài nguyên nước thuộc ngành và trên địa bàn quản lý, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tài nguyên và Môi trường. Nội dung báo cáo cần trình bày rõ tình hình quản lý, bảo vệ tài nguyên nước trên địa bàn, những thuận lợi, khó khăn, kiến nghị và đề xuất giải quyết.

2. Hàng năm, các tổ chức, cá nhân báo cáo tình hình thực hiện giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước và xả nước thải vào nguồn nước; giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15 tháng 11 để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ tài nguyên và Môi trường.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp nhận các báo cáo tình hình quản lý, bảo vệ hoạt động tài nguyên nước của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các tổ chức, cá nhân và có trách nhiệm tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo.

Điều 25. Công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo

Công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực tài nguyên nước thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

Chương VII

KHEN THƯỞNG, XỬ LÝ VI PHẠM VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Khen thưởng

1. Khuyến khích tổ chức, cá nhân bảo vệ, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm tài nguyên nước.

2. Tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra; đấu tranh chống các hành vi vi phạm pháp luật về tài nguyên nước được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 27. Xử lý vi phạm

Tổ chức, cá nhân có các hành vi vi phạm trong lĩnh vực tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh, thì tùy thuộc mức độ vi phạm mà bị xử phạt hành chính, xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự và bồi thường thiệt hại gây ra theo các quy định pháp luật hiện hành.

Điều 28. Trách nhiệm thi hành

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc các sở, Thủ trưởng ban, ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo chức năng và nhiệm vụ của mình có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, thực hiện và kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

Trong quá trình thực hiện nếu gặp khó khăn, vướng mắc hoặc có sự thay đổi quy định của pháp luật, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các ngành, các cấp đề xuất những nội dung cần sửa đổi, bổ sung, thay thế trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.